

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC  
TẠI TP.HỒ CHÍ MINH  
Số: ... 94 ... /SGD  
V/v công bố thông tin

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP.Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh
2. Mã chứng khoán: SGD
3. Trụ sở chính: 63 Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 10, TP.Hồ Chí Minh
4. Điện thoại: 08.38323557-38352845 Fax: 08.3 8307141
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Phan Thị Nam Phương**
6. Nội dung của thông tin công bố:  
- BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2014
7. Địa chỉ website đăng tải nội dung thay đổi: [www.sgd.edu.vn](http://www.sgd.edu.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu TC-HC-TH.



**Người thực hiện CBTT**

**PHAN THỊ NAM PHƯƠNG**



**NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM  
CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

63 Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 10 \* ĐT: (08)38.352.845 - (08)38.323.557  
Fax: (08) 38.307.141 \* Website: www.sgd.edu.vn \* Email: kinhdoanh@sgd.edu.vn

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

Tên Công ty đại chúng: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Năm báo cáo : **2014**

### **I. Thông tin chung:**

#### **1. Thông tin khái quát:**

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Giấy chứng nhận đăng kí doanh nghiệp số: 0303280405

Vốn điều lệ : 41.370.000.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 41.370.000.000 đồng

Địa chỉ : 63 Vĩnh Viễn, Phường 2, Quận 10, TP.HCM

Điện thoại : (08) 38335798 Fax : (08) 38307141

Website : www.sgd.edu.vn

Mã cổ phiếu : SGD

#### **2. Quá trình hình thành và phát triển:**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0303280405 ngày 24 tháng 6 năm 2014 (thay đổi lần thứ 10) của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Đăng ký thay đổi lần 2 ngày 16/9/2009 theo giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 69/2006/GCNCP-VSD-2 của Trung Tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

### **3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh: In và mua bán các loại sách giáo dục của NXB Giáo dục Việt Nam; In- mua bán các loại ấn phẩm, tập vở học sinh phục vụ nhà trường, giáo viên, học sinh và phụ huynh;

- Địa bàn kinh doanh: 26 tỉnh, thành phố phía nam (từ Phú Yên, Đắk Lắk đến Kiên Giang, Cà Mau).

### **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lí:**

- Mô hình quản trị: Là Công ty cổ phần, hoạt động theo mô hình Công ty Mẹ (Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam ) – Công ty con.

- Cơ cấu bộ máy quản lí:

HĐQT: Gồm 5 thành viên;

Ban Giám đốc, KTT: Gồm 4 thành viên: Giám đốc, 2 Phó Giám đốc, KTT;

Phòng chuyên môn: Gồm 5 Phòng : Tổ chức – Hành chính – Tổng hợp, Kế toán – Tài vụ, Kinh doanh, Quản lí In và Phát triển sản phẩm, Kho vận.

### **5. Định hướng phát triển:**

#### **5.1/ Các mục tiêu chủ yếu:**

- Gia tăng sản phẩm mới gồm sách và các sản phẩm khác hàng năm từ 10-15% doanh thu nhằm đảm bảo bù đắp phần giảm sút từ sản phẩm hiện hữu. Tập trung chủ yếu vào các nhóm sản phẩm sách, vở, thiết bị giáo dục... phục vụ nhà trường.

- Giữ vững thị trường hiện có; phát triển thêm khách hàng mới, địa bàn, đối tượng mới tiêu thụ sản phẩm, trong đó ưu tiên thị trường giáo dục phổ thông. Phần đầu mở rộng đại lý phát hành của Công ty tại 26 tỉnh, thành phố phía Nam và có đại lý đại diện tiêu thụ tốt sản phẩm của Công ty tại một số khu vực chủ yếu khác trên cả nước. Khảo sát, nghiên cứu và ứng dụng chính sách kinh doanh hợp lý, đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

- Xây dựng, thuê mướn mặt bằng hợp lý, tăng cường cơ sở vật chất phục vụ kinh doanh, đảm bảo kinh doanh có hiệu quả, quy mô đầu tư hợp lý, tránh lãng phí, rủi ro mất kiểm soát.

- Kiến toàn bộ máy lãnh đạo đủ năng lực, trí lực, kinh nghiệm và toàn tâm vì lợi ích lâu dài của Công ty, bồi dưỡng nhân sự kế cận theo hướng trẻ hóa, năng động, trình độ chuyên môn cao.

### **5.2/ Chiến lược phát triển trung, dài hạn:**

- Có kế hoạch đầu tư mạnh mẽ cho công tác tham gia xuất bản – phát hành SGK giai đoạn sau 2018 bằng các nguồn vốn hiện có của Công ty.

- Tiếp tục điều chỉnh chính sách bán hàng; nâng khả năng cạnh tranh, phục vụ và chăm sóc khách hàng; đẩy mạnh tiếp thị trực tiếp; có cơ chế tài chính cho công tác truyền thông để giới thiệu sản phẩm mới.

- Quản lý chặt chẽ nguồn hàng, giảm thiểu hàng hóa tồn kho vào cuối năm, không có sách tồn kho bị lạc hậu nội dung vào thời điểm thay sách giáo khoa.

- Phát triển ổn định, giữ vững thị trường hiện có và phát triển thêm thị trường mới.

- Nâng tầm các đối tác quan trọng, chủ yếu nhằm ổn định nguồn cung ứng vật tư, giấy in cũng đối tác kinh doanh chiến lược, ưu tiên phát triển theo chiều sâu.

- Hoàn chỉnh cơ sở vật chất văn phòng, kho hàng, cửa hàng theo hướng sử dụng hiệu quả, tiết kiệm chi phí, đầu tư có trọng điểm, quy mô vừa phải và quản lý tốt.

### **5.3/ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội, cộng đồng của Công ty:**

Công ty xác định chất lượng sản phẩm là quan trọng nhất, không chạy theo lợi nhuận bằng mọi giá, ưu tiên nguồn giấy in trong nước có chất lượng cao, ổn định, đảm bảo an toàn vệ sinh môi trường và sức khỏe cho người tiêu dùng.

### **6. Các rủi ro:**

Sách giáo dục là sản phẩm chính của Công ty hiện nay, sản phẩm này có những rủi ro cơ bản như sau:

- Quá trình thay sách giáo khoa đã được hơn 10 năm, các loại sách giáo dục bán kèm theo sách giáo khoa (sách bài tập, sách tham khảo, sách giáo viên...) đều đã bão hòa nhu cầu;

- Chủ trương đổi mới toàn diện nội dung, chương trình sách giáo khoa đang được xúc tiến và khả năng sau 2018 việc thay sách giáo khoa mới sẽ diễn ra, do đó nếu sách bán kèm sách giáo khoa chương trình cũ còn tồn kho sẽ không tiêu thụ được sau thời điểm này;

- Công tác quản lý, xét duyệt sách tham khảo vào nhà trường cũng như sách bán trên thị trường của cơ quan chức năng còn lỏng lẻo, nhiều sách kém chất lượng ra thị trường, cùng với vấn đề loạn sách tham khảo giáo dục đang gây tâm lí e ngại trong người tiêu dùng cũng ảnh hưởng đến khả năng phát hành của Công ty;

- Tình trạng vi phạm bản quyền ở Việt Nam vẫn diễn ra phổ biến, Công ty cũng bị in lậu với số lượng lớn một số đầu sách bán chạy.

## **II. Tình hình hoạt động trong năm 2014:**

### **1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh**

#### **1.1- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

**Số lượng phát hành: 12,590 triệu bản, đạt 90,3% kế hoạch đề ra**

**Doanh thu: 96,8 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch**

Trong đó:

- Số lượng PH sản phẩm ngoài sách: 773.748 bản, doanh thu 3,851 tỷ đồng
- Phát hành STK giảm 4% sản lượng phát hành nhưng tăng 6% doanh thu so với cùng kì 2013) do số bản sách thanh lí năm 2013 cao hơn so với 2014 và thực chất sản lượng phát hành sách tiếng Anh năm 2014 cũng tính là sản lượng phát hành sách GK - BT (sản lượng phát hành trên không tính sách Tiếng việt 1 – CNGD). Sách và các sản phẩm do Công ty in chiếm 48,6% tổng sản lượng phát hành, tăng 23% so với năm 2013.
- Sách tham khảo xuất bản từ 2010 trở về trước phát hành được: 203.476 bản.
- Năm 2014 mặc dù một số nguồn kinh phí lớn từ các địa phương giảm mạnh, thậm chí không thực hiện được như DakLak, Kiên Giang, An Giang,... đã làm cho việc phát hành sách tham khảo đưa vào thư viện gặp khó khăn. Tuy nhiên nguồn kinh phí không thường xuyên từ dự án Seqap đem lại đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phát hành mảng sách này. Đây cũng là cơ hội để giảm tồn kho một số loại sách tham khảo chậm tiêu thụ, thậm chí đã đưa vào diện thanh lí. Tuy nhiên chỉ tập trung vào các loại sách tham khảo dành cho bậc tiểu học. Riêng STK cấp lớp THCS và THPT sản lượng phát hành giảm 23% so với 2013.
- Với sự can thiệp về chính sách bán hàng và khoanh vùng thị trường đã tạo điều kiện thuận lợi trong việc cạnh tranh công bằng giữa Công ty và các đơn vị trong hệ thống NXBGD tại khu vực phía Nam. Tổng sản lượng phát hành sách GK tăng 10% so với kế hoạch và tăng 3% so với cùng kì 2013.
- Công tác kinh doanh vẫn còn một số hạn chế: Công tác tiếp thị chưa tốt, mảng sản phẩm mầm non, đại học – dạy nghề giảm sút đáng kể chưa có biện pháp khắc phục. Quy trình thẩm định, bán hàng còn có lúc lỏng lẻo gây khó khăn cho công tác quản lí khách hàng, thu hồi công nợ. Chưa tích cực khai thác mặt hàng bán lẻ tại cửa hàng, tiềm năng phát hành sách giáo dục khu vực lân cận cửa hàng chưa được khai thác tốt.



- Đánh giá chất lượng hàng hóa tồn kho: Tính đến hết tháng 12/2014, tồn kho STK là 1,1 triệu bản, trong đó có trên 300.000 bản STK tồn kho sách xuất bản trước năm 2012 là loại sách rất khó tiêu thụ (trước mắt có kế hoạch dự phòng đến năm 2017 là khoảng 6 tỷ giá bìa), đồng thời STK theo cấp lớp chiếm 55% lượng hàng tồn kho phải đặc biệt quan tâm để giải toả trước khi thay SGK mới.

- Công tác giao nhận hàng hóa: Năm 2014 công tác giao nhận hàng hóa được khách hàng đánh giá cao về thời gian đáp ứng, đây là nỗ lực với trách nhiệm cao của tập thể CBNV phòng Kho vận. Tuy nhiên, việc thừa – thiếu hàng hóa do xuất nhầm lẫn tên sách, mã sách vẫn còn ở mức cao phải nghiêm túc chấn chỉnh ngay để đảm bảo chất lượng giao nhận hàng và uy tín của công ty với khách hàng. Chi phí vận chuyển hàng hóa chưa giảm mặc dù chi phí xăng dầu đã giảm trên 30%, phải làm việc lại với đơn vị vận chuyển để điều chỉnh chi phí này.

### 1.2- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014	Tỷ lệ/KH
Số lượng phát hành	Triệu bản	13,946	12,950	90,3%
Doanh thu bán hàng	Tỷ đồng	95	96,8	102%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5,8	5,9	102%
Cổ tức	%	10%	10%	100%

### 2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành

Họ và tên	Năm sinh	Chức vụ	Trình độ	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu
1. Ông Ngô Trọng Vinh	1964	Chủ tịch HĐQT, Phó Giám đốc	Cử nhân ĐH Ngoại thương HN	11/3/2014	5,368%
2. Phạm Cảnh Toàn	1972	Giám đốc	Cử nhân ĐH kinh tế TPHCM	11/3/2014	0,502%

3. Ông Nguyễn Tuấn Kiệt	1948	Phó Giám đốc	Cử nhân ĐH sư phạm SG	11/3/2014	0,298%
4. Bà Nguyễn Thị Lan Phương	1965	KTT	Cử nhân ĐH kinh tế TPHCM	11/3/2014	0,143%

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Từ ngày 09/03/2014, Bà Nguyễn Thị Chung nghỉ hưu theo chế độ, miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc nhiệm kỳ 2008-2013; Ông Ngô Trọng Vinh được HĐQT bầu làm Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sách Giáo dục tại TPHCM kiêm Phó Giám đốc nhiệm kỳ 2014-2018; Ông Phạm Cảnh Toàn giữ chức Giám đốc theo Nghị quyết HĐQT và quyết định công nhận của NXBGD Việt Nam.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Năm 2014, Công ty có 37 CBNV, giảm 01 CBCNV so với cuối năm 2013 do nghỉ chế độ, chuyển công tác...

Công ty luôn đảm bảo các chế độ chính sách cho người lao động trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể kí kết trong Hội nghị người lao động. Điều kiện làm việc, thu nhập của người lao động ổn định.

### 3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:

**a/ Các khoản đầu tư lớn:** Trong năm 2014, Công ty đầu tư xây dựng trụ sở văn phòng Công ty tại địa chỉ 363 Hưng Phú – Phường 9 – Quận 8 – TPHCM (dự kiến 2,250 tỷ đồng), đưa vào sử dụng trong quý II/2015.

**b/ Liên kết:** Năm 2014 không phát sinh đầu tư liên kết khác ngoài khoản đầu tư mua 40.000 cổ phần của Công ty CP Sách – TBTH Sóc Trăng là 840 triệu đồng (từ năm 2007).

### 4. Tình hình tài chính

#### a/Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2013 (đồng)	Năm 2014 (đồng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	67.503.487.982	71.025.260.438	5,22%
Doanh thu thuần	100.707.258.437	96.869.725.506	-3,81%
LN từ HĐ SXKD	6.176.184.736	5.859.110.467	-5,13%
Lợi nhuận khác	8.903.217	80.318.294	799,4%

Lợi nhuận trước thuế	6.185.114.953	5.939.428.761	-3,97%
Lợi nhuận sau thuế	5.326.593.232	4.552.471.269	-14,53%
Tỷ lệ trả cổ tức	10%	10%	

Lợi nhuận giảm so với 2013 do năm 2014 Công ty không được áp dụng thuế suất thuế TNDN 10% theo TT 123/2012/TT-BTC ngày 27/07/2012 của Bộ Tài chính, Luật Xuất bản và Công văn số 1895/CV-NXBGDVN ngày 08/12/2012 của NXBGDVN gửi Vụ chính sách Thuế Bộ tài chính và công văn trả lời số 6833/BTC-CST ngày 29/5/2013 của Vụ chính sách Thuế – Bộ Tài chính)

**b/ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Hệ số tài chính	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
<b>1.Chỉ tiêu khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/NNH)	3,8	3,1	
Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-TK/NNH)	1,2	0,7	
<b>2/Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Nợ phải trả/ Tổng tài sản	0,2	0,2	
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	0,2	0,3	
<b>3/Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/TK)	5,5	6,9	
Doanh thu thuần/tổng tài sản	1,5	1,4	
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi</b>			
Hệ số LNST / Doanh thu thuần	5,29%	4,7%	



Hệ số LNST / Vốn CSH	9,73%	8,35%	
Hệ số LNST / Tổng tài sản	7,9%	6,41%	
Hệ số LNT từ HĐKD / DTT	6,13%	6,05%	

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu cho thấy kết quả kinh doanh cũng các chỉ số tài chính đều không tốt bằng năm 2013, tuy vậy, các chỉ số tài chính này phản ánh trung thực kết quả kinh doanh của Công ty.

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

**a/Cổ phần:** 100% số cổ phần của Công ty đang lưu hành là chuyển nhượng tự do

**b/Cơ cấu cổ đông:** (Không kể cổ phiếu quỹ)

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Tỷ lệ sở hữu/CP lưu hành	Ghi chú
- Cổ đông lớn	8	67,54%	
- Cổ đông nhỏ	543	32,46%	
- Cổ đông tổ chức	15	28,88%	
- Cổ đông cá nhân	536	71,12%	
- Cổ đông trong nước	8	10,95%	
- Cổ đông ngoài nước	513	89,05%	
- Cổ đông Nhà nước	1	16,39%	
- Cổ đông khác	520	83,61%	

**c/ Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Trong năm không có thay đổi vốn đầu của chủ sở hữu dưới bất kì hình thức nào.

**d/ Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Trong năm không có giao dịch mua bán cổ phiếu quỹ.

Tổng số cổ phiếu quỹ đến 31/12/2014: 281.400 cổ phiếu, chiếm 6,8% vốn điều lệ.

**e/ Chứng khoán khác:** Công ty không phát hành bất kì loại chứng nào khác

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

**1/ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2014 vẫn tồn tại nhiều khó khăn khách quan lẫn hạn chế chủ quan ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: Kinh phí mua sắm sách giáo dục của Nhà trường và phụ huynh chưa có dấu hiệu tăng trở lại, tình hình cạnh tranh gay gắt, mặt khác Công ty chưa có hệ thống bán lẻ tốt, công nợ xấu còn ở mức cao, hàng hóa thiếu sức cạnh tranh, tỷ lệ hàng hóa nhập mua chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu.

Tuy nhiên, với sự nỗ lực, năng động, tinh thần phục vụ cao nhất của tập thể CBNV Công ty cùng với chính sách bán hàng linh hoạt, có sức thuyết phục đã giúp cho Công ty giữ vững được thị trường, phát triển thêm đối tác, khách hàng trong ngành giáo dục. Tranh thủ tốt cơ hội kinh doanh, đáp ứng nhanh nhu cầu của các cơ sở giáo dục đã được lãnh đạo công ty triệt để áp dụng trên cơ sở tham mưu có hiệu quả của các phòng chuyên môn là yếu tố quan trọng góp phần hoàn thành chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm 2014.

Với hầu hết các chỉ tiêu chính do NXBGD Việt Nam giao và được Đại hội cổ đông năm 2014 thông qua đã thực hiện hoàn thành và vượt kế hoạch được giao. Song, thực tế hoạt động của doanh nghiệp năm 2014 vẫn tồn tại hạn chế, điểm yếu cần phải phân tích, tìm ra nguyên nhân để nhanh chóng có biện pháp khắc phục, có một số nhiệm vụ trọng tâm đặt ra năm 2014 cũng chưa được thực hiện tốt.

Khó khăn còn nhiều, thách thức ngày một lớn nhưng cơ hội cũng không ít. Đặc biệt sự chuẩn bị tốt về nhân lực, vật lực, tài lực cho kì thay sách giáo dục sắp đến phải được HĐQT, BGD và các cấp quản lí quan tâm ngay trong năm 2015, để Công ty có thể giữ vững được vị thế của mình trên thị trường sách giáo dục, đồng thời có định hướng rõ nét cho sự phát triển Công ty trong những năm tới.

## **2/ Tình hình tài chính:**

Năm 2014, là năm có nhiều đột biến về chính sách bán hàng do đối tượng khách hàng có thay đổi, đòi hỏi chính sách tài chính phải linh hoạt để đủ sức cạnh tranh, đáp ứng yêu cầu khách hàng nhưng vẫn đảm bảo các quy định về tài chính.

Công tác theo dõi, đôn đốc và thu hồi công nợ có chuyển biến tích cực, tỷ lệ thu hồi công nợ đạt trên 90% (vượt KH 5%), tuy nhiên một số công nợ xấu vẫn tồn tại chưa có biện pháp hiệu quả để thu hồi. Sự phối hợp với kinh doanh nhằm đánh giá khả năng tài chính cũng như kí kết hợp đồng kinh tế còn hạn chế dẫn đến phát sinh công nợ quá hạn của đối tượng nợ mới.

Nhìn chung, tình hình tài chính của công ty là minh bạch, lành mạnh, đảm bảo đủ vốn cho hoạt động kinh doanh và sử dụng vốn có hiệu quả, đúng mục đích phục vụ công tác xuất bản, phát hành, in sách, theo dõi việc quản lý và sử dụng tài sản, vốn hoạt động của công ty. Kiểm tra, phản ánh đầy đủ các chi phí sản xuất về giấy, công in, nhuận bút và các chi phí khác.

**3/ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lí:**

Năm 2014 có nhiều sự thay đổi, thay đổi từ HĐQT, Ban lãnh đạo Công ty; thay đổi về cách quản lý và điều hành; thay đổi về cách tính lương và nhận lương của người lao động. Hiện nay, việc sắp xếp phân công lao động và nhân sự tại Công ty tương đối hợp lý, ổn định, trong năm đã đề bạt và bổ nhiệm 03 CBQL cấp Phòng (01 Trưởng phòng – Kinh doanh, 02 Phó phòng – phòng Kinh doanh và phòng KT-TV).

CBCNV Công ty luôn tìm hiểu, học hỏi và rèn luyện trình độ chuyên môn cũng như các kỹ năng khác phục vụ cho công tác kinh doanh của Công ty.

Nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu công việc nhằm tăng năng suất lao động, hiệu quả kinh tế, công tác bồi dưỡng, tuyển dụng, điều chuyển CBCNV, cải cách tiền lương tiếp tục được quan tâm: Tăng cường nhân sự giỏi có kinh nghiệm về khai thác đề tài, bồi dưỡng kỹ năng bán hàng, kỹ năng nghiệp vụ khác (giao tiếp, dự báo, thẩm định hợp đồng, chế bản...). Đồng thời nghiên cứu ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý điều hành, xuất – nhập hàng hóa...

Với cơ cấu 5 phòng chuyên môn, hoạt động kinh doanh của công ty diễn ra bình thường, các phòng hoàn thành khá tốt nhiệm vụ được giao và có hỗ trợ qua lại chặt chẽ, tự giác và hiệu quả.

**4/ Kế hoạch phát triển trong tương lai:**

Bám sát chủ trương định hướng của NXBGD Việt Nam, đặc biệt quan tâm và có kế hoạch chuẩn bị ngay trong năm 2015 về nhân lực, tài chính, đội ngũ tác giả, cộng tác viên, hợp tác liên kết... để làm STK theo chương trình SGK mới sau năm 2018.

Phát triển thêm vệ tinh, đối tác phát hành trong hệ thống giáo dục (Sở - Phòng Giáo dục & đào tạo, các Trường THPT, các cơ sở GDTX...). Phát triển đối tác liên kết xuất bản, cộng tác viên phát hành trong hệ thống các Trường ĐH-CĐ & TCCN.

Hợp tác, liên kết với đơn vị xuất bản, trao đổi hàng hóa với các đơn vị trong và ngoài NXBGDVN nhằm đa dạng nguồn hàng.

Thu hẹp diện tích thuê kho để tiết kiệm chi phí, có hướng giải quyết đối với bất động sản không sinh lời.

Phát triển thêm cửa hàng theo mô hình bán sỉ lẻ tại một số khu vực các quận có số lượng học sinh đông, hoặc cửa ngõ Thành phố để cung cấp sỉ hàng hóa đi các khu vực lân cận.

Tính toán hợp lý thời điểm nhập – xuất vật tư, hàng hóa, tránh gây áp lực thanh toán, sử dụng vốn lưu động hiệu quả, tiết kiệm các loại chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng.

**5/Giải trình của Ban Giám đốc đối với các ý kiến của Kiểm toán:**

Ban Giám đốc công ty thống nhất với các ý kiến của Kiểm toán, thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các khuyến cáo của Kiểm toán viên nhằm mục đích minh bạch, chính xác và đúng luật tất cả các hoạt động tài chính của Công ty trên cơ sở các quy định hiện hành, điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2014 và các đặc thù ngành nghề kinh doanh...

**IV. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Công ty**

Về hoạt động giám sát, điều hành: được thực hiện theo đúng Điều lệ Công ty, theo quy chế làm việc của HĐQT, của Ban Giám đốc, theo phân cấp ủy quyền... Tất cả các chỉ đạo của HĐQT đều được triển khai kịp thời, đúng đối tượng; các báo cáo vướng mắc, khó khăn đều được HĐQT quán triệt chỉ đạo xử lý dứt điểm tránh những rủi ro, thiệt hại xảy ra.

Về cơ cấu tổ chức: từ HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc đến các phòng ban đều được thực hiện tái cấu trúc đảm bảo bộ máy hoạt động hiệu quả.

Về mặt tài chính: Năm 2014 mặc dù tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhìn chung đạt được kết quả tốt, đạt 102% doanh thu và lợi nhuận so với kế hoạch đề ra.

**V. Quản trị Công ty**

**1. Hội đồng quản trị:**

**a. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:**

Từ tháng 03/2014, thành viên HĐQT có thay đổi: Bà Nguyễn Thị Chung nghỉ hưu theo chế độ, miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc nhiệm kỳ 2008-2013; Ông Ngô Trọng Vinh được HĐQT bầu làm Chủ tịch HĐQT Công ty CP Sách Giáo dục tại TPHCM kiêm Phó Giám đốc nhiệm kỳ 2014-2018

Họ và tên	Chức vụ HĐQT	Chức vụ BDH	Tỷ lệ sở hữu CP
1. Ông Ngô Trọng Vinh	Chủ tịch	Phó Giám đốc	5,368%
2. Ông Phạm Cảnh Toàn	Thành viên	Giám đốc	0,502%
3. Nguyễn Thị Lan Phương	Thành viên	Kế toán trưởng	0,143%
4. Đỗ Thành Lâm	Thành viên		0,026%
5. Nguyễn Trọng Hà	Thành viên		0%

**b. Hoạt động của HĐQT:****▪ Các cuộc họp và Nghị quyết của HĐQT**

Sau ĐHCĐ năm 2014 vào tháng 03/2014, cũng là kết thúc nhiệm kỳ HĐQT, BKS và Ban điều hành nhiệm kỳ 2009-2013, HĐQT nhiệm kỳ mới (2014-2019) đã tiếp tục triển khai các kế hoạch và hoạt động SXKD của Công ty. Trong năm 2014, HĐQT đã tổ chức họp 4 phiên họp để triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ thông qua các phương án, kế hoạch hoạt động sản xuất nhằm tăng cường công tác quản trị cũng như bám sát tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

***Nghị quyết của HĐQT trong các cuộc họp đề cập đến các vấn đề cơ bản sau:***

\* Nội dung, chương trình ĐHCĐ năm 2014 (chốt danh sách Cổ đông, tạm ứng cổ tức 2013)

\* Phương hướng - Kế hoạch - Chỉ tiêu cơ bản năm 2014.

\* Sau Đại hội cổ đông 2014 đồng thời kết thúc nhiệm kỳ 2009-2014 với các thủ tục về bầu cử theo quy định, HĐQT nhiệm kỳ 2014-2018 thống nhất bầu Chủ tịch HĐQT - Ban điều hành và NXBGDVN công nhận.

\* Trang bị mới xe ô tô phục vụ cho sản xuất kinh doanh (khoảng 1 tỷ đồng).

\* Ủy quyền công bố thông tin cho bà Phan Thị Nam Phương, Trưởng phòng TC-HC-TH.

\* Bổ nhiệm 1 trưởng phòng (phòng Kinh doanh) và 2 phó phòng (phòng Kinh doanh, phòng Kế toán – tài vụ).

\* Nội dung, chương trình ĐHCĐ năm 2015 (chốt danh sách Cổ đông, tạm ứng cổ tức 2014)

**▪ Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị****❖ Những việc đã làm được:****Chỉ tiêu cơ bản:**

\* Doanh thu: 96,8 tỷ đạt 102% / KH; so với năm 2013 đạt 96,2%.

\* Lợi nhuận trước thuế: 5,9 tỷ đạt 101,7% /KH; so với năm 2013 đạt 96%

\* Chi trả Cổ tức: 10%; đạt 100%/KH, bằng năm 2013

\* Đơn giá tiền lương: 9 đồng/10 đồng lợi nhuận trước thuế.

\* Thù lao HĐQT, BKS, quỹ khen thưởng BDH và trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi: Theo nghị quyết đã thông qua.

**Công việc khác:**

\* Thực hiện việc thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh 2 lần: Thay đổi người Đại diện pháp luật của Công ty ngày 03/4/2014 và bổ sung ngành kinh doanh trong lĩnh vực bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác ngày 24/6/2014.

\* Sửa đổi điều lệ Công ty và quy chế nội bộ quản trị Công ty theo Thông tư 121/TT-BTC của BTC.

\* Chọn Công ty TNHH Kế toán và Kiểm toán AAC là đơn vị thực hiện công tác kiểm toán báo cáo Tài chính năm 2014 của Công ty.

\* Thực hiện xây dựng trụ sở Công ty tại địa chỉ 363 Hưng Phú – Quận 8 – TP.HCM, dự kiến đưa vào sử dụng trong quý 2/2015.

**❖ Những việc chưa làm được, hạn chế:**

\* Tiến độ xây dựng cơ sở vật chất (trụ sở văn phòng Công ty) chậm chưa hoàn thành kế hoạch đặt ra.

\* Định hướng phát triển sản phẩm, mở rộng hoạt động kinh doanh chưa rõ nét.

**2. Ban kiểm soát:**

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu/ Vốn lưu hành	Ghi chú
1. Phan Xuân phương	Trưởng Ban	0,16%	
2. Đỗ Phương Thảo	Thành viên	0,12%	
3. Huỳnh Thị Thùy Trang	Thành viên	0,10%	

**b. Hoạt động của Ban Kiểm soát:**

BKS đã thực hiện đúng vai trò, nhiệm vụ của mình trong việc kiểm soát hoạt động SXKD của công ty và giám sát hoạt động của HĐQT và BGĐ cũng như thực hiện thẩm tra báo cáo tài chính của công ty.

Tuy vậy, hoạt động của BKS chưa thường xuyên, công việc tập trung ở trưởng ban, các thành viên khác làm việc chưa có trách nhiệm.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGĐ, BKS:****a. Lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:**

- Thù lao HĐQT được trích theo mức 5%/lợi nhuận sau thuế năm 2014 là 227.623.563 đồng
- Đã chi 186.000.000 đồng.
- Các chi phí giao dịch, công tác phí của HĐQT, BKS được thực hiện theo đúng quy chế của Công ty.

**b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, cổ đông lớn và người có liên quan:**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ngô Trọng Vinh	CT HĐQT	207.000	5,369%	207.000	5,369%	
2	Phạm Cảnh Toàn	GD, UV HĐQT	19.350	0,502%	19.350	0,502%	
4	Nguyễn Tuấn Kiệt	PGĐ	11.500	0,298%	11.500	0,298%	
5	Nguyễn Thị Lan Phương	KTT, UV HĐQT	5.500	0,143%	5.500	0,143%	
6	Phan Xuân Phương	Trưởng BKS	6.100	0,158%	6.100	0,158%	
7	Huỳnh Thị Thùy Trang	Thành viên BKS	4.200	0,109%	4.200	0,109%	
8	Ngô Trọng Quang	NCLQ	188.800	4,897%	193.800	5,026%	Mua cổ phiếu



9	Công ty CP ĐT CMC	NCLQ	219.900	5,703%	214.900	5,574%	Bán cổ phiếu
10	Nguyễn Thị La	NCLQ	207.000	5,369%	207.000	5,369%	
11	Peter Eric Dennis	CĐ lớn	371.800	9,643%	395.500	10,258%	Mua cổ phiếu
12	Ngô Phương Anh	CĐ lớn	493.300	12,794%	555.400	14,405%	Mua cổ phiếu

#### **VI. Báo cáo tài chính:**

1. Ý kiến của kiểm toán: Phần này sao chép nội dung trích từ báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014 của Công ty Kiểm toán và Kế toán AAC

**Số: 92/2015/BCKT-AAC**

*Đà Nẵng, ngày 09 tháng 02 năm 2015*

#### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

**Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 09/02/2015, từ trang 5 đến trang 29, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

#### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**

---

**Trần Thị Phương Lan – Phó Tổng Giám đốc**  
*Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1*

---

**Đỗ Thị Thanh Vân – Kiểm toán viên**  
*Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2013-010-1*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Ngày 31 tháng 12 năm 2014**

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2014 VND</b>	<b>31/12/2013 VND</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>50.823.943.116</b>	<b>48.555.552.703</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>20.864.777.723</b>	<b>14.410.730.227</b>
1. Tiền	111		3.364.777.723	4.910.730.227
2. Các khoản tương đương tiền	112		17.500.000.000	9.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>1.745.178.000</b>	<b>332.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.836.812.680	468.360.080
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(91.634.680)	(136.360.080)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>16.477.502.045</b>	<b>18.074.738.197</b>
1. Phải thu khách hàng	131		11.877.269.953	12.587.558.055
2. Trả trước cho người bán	132		5.717.824.304	6.043.741.129
3. Các khoản phải thu khác	135	7	80.497.920	244.203.333
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	8	(1.198.090.132)	(800.764.320)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>11.296.069.206</b>	<b>14.929.466.383</b>
1. Hàng tồn kho	141		13.547.124.858	17.556.154.583
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.251.055.652)	(2.626.688.200)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>440.416.142</b>	<b>808.617.896</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	3.999.996	22.748.083
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		97.140.152	216.784.902
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	11	-	195.904.664
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	12	339.275.994	373.180.247
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>20.201.317.322</b>	<b>18.947.935.279</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>18.064.308.069</b>	<b>17.463.719.064</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.270.166.435	480.953.362
- Nguyên giá	222		2.166.259.390	1.532.273.363
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(896.092.955)	(1.051.320.001)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	16.674.200.270	16.889.064.338
- Nguyên giá	228		16.906.969.677	16.906.969.677
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(232.769.407)	(17.905.339)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	15	119.941.364	93.701.364
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>16</b>	<b>1.790.000.000</b>	<b>840.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		1.790.000.000	840.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>347.009.253</b>	<b>644.216.215</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	17	347.009.253	644.216.215
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>71.025.260.438</b>	<b>67.503.487.982</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>16.516.200.072</b>	<b>12.734.859.088</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>16.516.200.072</b>	<b>12.734.859.088</b>
1. Phải trả người bán	312		10.296.062.315	6.693.006.029
2. Người mua trả tiền trước	313		245.349.159	144.872.644
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	272.485.835	54.147.106
4. Phải trả người lao động	315		2.492.676.778	1.336.971.876
5. Chi phí phải trả	316	19	3.155.051.967	3.987.556.511
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	20	46.739.500	187.386.201
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		7.834.518	330.918.721
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>54.509.060.366</b>	<b>54.768.628.894</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>54.509.060.366</b>	<b>54.768.628.894</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	21	41.370.000.000	41.370.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.712.000.000	1.712.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	414	21	(2.035.282.090)	(2.035.282.090)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417	21	3.377.002.764	2.862.449.329
5. Quỹ dự phòng tài chính	418	21	1.517.632.156	1.517.632.156
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	21	8.567.707.536	9.341.829.499
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>71.025.260.438</b>	<b>67.503.487.982</b>

**BẢNG KẾT QUẢ KINH DOANH**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	22	98.015.882.660	101.148.165.350
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	1.146.157.154	440.906.913
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	22	96.869.725.506	100.707.258.437
4. Giá vốn hàng bán	11	23	77.606.082.886	82.816.729.001
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng &amp; cc dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>19.263.642.620</b>	<b>17.890.529.436</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	625.610.825	834.790.090
7. Chi phí tài chính	22	25	(27.731.426)	(246.831)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		8.549.486.388	6.857.713.141
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.508.388.016	5.691.668.480
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>5.859.110.467</b>	<b>6.176.184.736</b>
11. Thu nhập khác	31	26	249.195.828	18.209.908
12. Chi phí khác	32	27	168.877.534	9.279.691
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>80.318.294</b>	<b>8.930.217</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>	<b>28</b>	<b>5.939.428.761</b>	<b>6.185.114.953</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	1.386.957.492	858.521.721
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>	<b>28</b>	<b>4.552.471.269</b>	<b>5.326.593.232</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.181	1.536

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Năm 2014 VND</b>	<b>Năm 2013 VND</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	99.946.417.651	104.229.787.077
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(80.921.153.563)	(96.716.363.055)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(4.205.373.900)	(4.002.052.225)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.026.471.138)	(288.754.712)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.428.980.340	1.608.634.340
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(2.314.360.813)	(4.795.689.047)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>12.908.038.577</b>	<b>35.562.378</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(1.810.375.001)	(1.744.538.732)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	259.600.000	18.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(7.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	7.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(750.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	621.828.420	836.622.507
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(1.678.946.581)</b>	<b>(889.825.316)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	4.465.000.000
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.775.044.500)	(4.550.787.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.775.044.500)</b>	<b>(85.787.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>6.454.047.496</b>	<b>(940.049.938)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	14.410.730.227	15.350.780.165
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>20.864.777.723</b>	<b>14.410.730.227</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**1. Đặc điểm hoạt động**

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 10 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 24 tháng 06 năm 2014 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch

cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

### **Ngành nghề kinh doanh chính**

- Xuất bản sách (Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở));
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản));
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở));
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước).

## **2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

## **3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; các quy định sửa đổi, bổ sung theo có liên quan và hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

## **4. Các chính sách kế toán áp dụng**

### **4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### **4.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### **4.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác



phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

#### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng được lập cho các khoản giảm giá đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính.

#### 4.5 Tài sản cố định hữu hình

##### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

##### Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6

#### 4.6 Tài sản cố định vô hình

##### Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- + Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn).
- + Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá TSCĐ là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

#### **4.7 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

#### **4.8 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### **4.9 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ, được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

#### **4.10 Ghi nhận doanh thu**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không có khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều niên độ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc Công ty được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **4.11 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

#### **4.12 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang thực hiện**

- Thuế giá trị gia tăng:

- ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
- ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
- ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

#### 4.13 Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

###### Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

###### Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	216.270.715	24.254.498
Tiền gửi ngân hàng	3.148.507.008	4.886.475.729
Tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng)	17.500.000.000	9.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>20.864.777.723</b>	<b>14.410.730.227</b>

### 6. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	200.000	1.836.812.680	40.000	468.360.080
- Cổ phiếu C/ty CP Sách GD TP Hà Nội (EBS)	197.000	1.805.534.680	40.000	468.360.080
- Cổ phiếu C/ty CP Đầu tư và phát triển giáo dục Hà Nội (EID)	3.000	31.278.000	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(91.634.680)		(136.360.080)
<b>Cộng</b>		<b>1.745.178.000</b>		<b>332.000.000</b>

**Các khoản phải thu khác**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	19.062.500	25.208.333
Phải thu Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	200.000.000
Phải thu khác	61.435.420	18.995.000
<b>Cộng</b>	<b>80.497.920</b>	<b>244.203.333</b>

**7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu trên 3 năm	1.198.090.132	551.406.522
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	-	249.357.798
<b>Cộng</b>	<b>1.198.090.132</b>	<b>800.764.320</b>

**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Nguyên liệu, vật liệu	144.241.612	1.846.011.100
Chi phí SX, KD dở dang	5.015.253.316	4.352.166.070
Thành phẩm	8.123.088.804	11.128.220.821
Hàng hóa	264.541.126	229.756.592
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.251.055.652)	(2.626.688.200)
<b>Cộng</b>	<b>11.296.069.206</b>	<b>14.929.466.383</b>

**9. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí phần mềm chờ phân bổ	-	10.000.000
Chi phí bảo hiểm xe ô tô chờ phân bổ	-	12.748.083
Chi phí bảo hiểm hàng hóa chờ phân bổ	3.999.996	-
<b>Cộng</b>	<b>3.999.996</b>	<b>22.748.083</b>

**10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế TNDN nộp thừa	-	195.904.664
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>195.904.664</b>

**11. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tạm ứng	49.200.000	9.942.167
Ký quỹ ngắn hạn	290.075.994	363.238.080
<b>Cộng</b>	<b>339.275.994</b>	<b>373.180.247</b>

**12. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	352.634.937	1.179.638.426	1.532.273.363
Mua sắm trong năm	-	1.044.188.027	1.044.188.027
Thanh lý, nhượng bán	-	410.202.000	410.202.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>352.634.937</b>	<b>1.813.624.453</b>	<b>2.166.259.390</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	58.772.489	992.547.512	1.051.320.001
Khấu hao trong năm	58.772.489	196.202.465	254.974.954
Thanh lý, nhượng bán	-	410.202.000	410.202.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>117.544.978</b>	<b>778.547.977</b>	<b>896.092.955</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	293.862.448	187.090.914	480.953.362
<b>Số cuối năm</b>	<b>235.089.959</b>	<b>1.035.076.476</b>	<b>1.270.166.435</b>

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 là: 288.345.517 đồng.

Không có tài sản cố định hữu hình dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 31/12/2014.

**13. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất 363 Hưng Phú VND	Quyền sử dụng đất huyện Bình Chánh VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	6.468.156.872	10.438.812.805	16.906.969.677
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>6.468.156.872</b>	<b>10.438.812.805</b>	<b>16.906.969.677</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu năm	-	17.905.339	17.905.339
Khấu hao trong năm	-	214.864.068	214.864.068
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>232.769.407</b>	<b>232.769.407</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	6.468.156.872	10.420.907.466	16.889.064.338
<b>Số cuối năm</b>	<b>6.468.156.872</b>	<b>10.206.043.398</b>	<b>16.674.200.270</b>

Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m<sup>2</sup>. Mục đích sử dụng: dùng để xây dựng văn phòng làm việc Công ty.

Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 09/07/2062 tại thửa đất số 159, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh,

Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 595,8 m<sup>2</sup>. Mục đích sử dụng dự kiến: xây dựng kho chứa sách và thiết bị trường học.

#### 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Xây dựng nhà 363 Hưng Phú	119.941.364	93.701.364
<b>Cộng</b>	<b>119.941.364</b>	<b>93.701.364</b>

#### 15. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Đầu tư dài hạn khác	40.000	1.790.000.000	40.000	840.000.000
- Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)		950.000.000		-
- Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng	40.000	840.000.000	40.000	840.000.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn		-		-
<b>Cộng</b>		<b>1.790.000.000</b>		<b>840.000.000</b>

Đến thời điểm hiện tại, Công ty vẫn chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng. Cổ phiếu của Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng cũng chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm cuối năm 2014. Do đó, khoản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo giá gốc đầu tư và không trích lập dự phòng.

(\*) Là khoản góp vốn với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam theo HĐ số 005/SGD/2014/ĐTXB ngày 25/08/2014 để tham gia đầu tư vào Quỹ đầu tư xuất bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cho hoạt động xuất bản sách Sách giáo khoa và Sách bổ trợ, thời gian hợp tác đầu tư là 5 năm. Tổng số vốn thực góp đến thời điểm 31/12/2014 là 950.000.000 đồng.

#### 16. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí tổ chức bán thảo	326.545.500	603.288.709
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	20.463.753	40.927.506
<b>Cộng</b>	<b>347.009.253</b>	<b>644.216.215</b>

#### 17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	164.581.690	-
Thuế thu nhập cá nhân	107.904.145	54.147.106
<b>Cộng</b>	<b>272.485.835</b>	<b>54.147.106</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

### 18. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trích trước chi phí bản thảo, biên tập	1.995.832.812	2.894.569.632
Trích trước chi phí hoa hồng môi giới	1.109.219.155	972.986.879
Trích trước chi phí kiểm toán	50.000.000	50.000.000
Trích trước chi phí khám sức khỏe CBNV	-	70.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.155.051.967</b>	<b>3.987.556.511</b>

### 19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Kinh phí công đoàn	-	36.858.201
Cổ tức phải trả	2.203.500	150.528.000
Phải trả khác	44.536.000	-
<b>Cộng</b>	<b>46.739.500</b>	<b>187.386.201</b>

### 20. Vốn chủ sở hữu

#### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN sau thuế chưa phân phối VND
<b>Số dư tại 01/01/2013</b>	<b>41.370.000.000</b>	<b>(5.651.552.090)</b>	<b>2.862.449.329</b>	<b>1.517.632.156</b>	<b>11.148.489.142</b>
Tăng trong năm	-	-	-	-	5.326.593.232
Giảm trong năm	-	(3.616.270.000)	-	-	7.133.252.875
<b>Số dư tại 31/12/2013</b>	<b>41.370.000.000</b>	<b>(2.035.282.090)</b>	<b>2.862.449.329</b>	<b>1.517.632.156</b>	<b>9.341.829.499</b>
<b>Số dư tại 01/01/2014</b>	<b>41.370.000.000</b>	<b>(2.035.282.090)</b>	<b>2.862.449.329</b>	<b>1.517.632.156</b>	<b>9.341.829.499</b>
Tăng trong năm	-	-	514.553.435	-	4.552.471.269
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	5.326.593.232
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>41.370.000.000</b>	<b>(2.035.282.090)</b>	<b>3.377.002.764</b>	<b>1.517.632.156</b>	<b>8.567.707.536</b>



**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ %	31/12/2014 VND	Tỷ lệ %	31/12/2013 VND
Vốn đầu tư của Công ty TNHH MTV NXBGD VN	15,28	6.320.000.000	15,28	6.320.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	77,92	32.236.000.000	77,92	32.236.000.000
Cổ phiếu quỹ	6,80	2.814.000.000	6,80	2.814.000.000
<b>Cộng</b>	<b>100%</b>	<b>41.370.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>41.370.000.000</b>

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2014 Cổ phiếu	31/12/2013 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu thường	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	281.400	281.400
- Cổ phiếu thường	281.400	281.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.855.600	3.855.600
- Cổ phiếu thường	3.855.600	3.855.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

**d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	9.341.829.499	11.148.489.142
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.552.471.269	5.326.593.232
Phân phối lợi nhuận năm trước	5.326.593.232	7.133.252.875
- Trích quỹ đầu tư phát triển	514.553.435	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	185.319.797	1.967.064.245
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	468.348.630
- Chia cổ tức	4.626.720.000	4.697.840.000
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>8.567.707.536</b>	<b>9.341.829.499</b>

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 76/NQ-SGD ngày 08/03/2014.

**e. Cổ tức**

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 76/NQ-SGD ngày 08/03/2014 đã thông qua phương án chia cổ tức năm 2013 với tỷ lệ 12%, tương ứng 4.626.720.000 đồng. Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong năm 2014.

**21. Doanh thu**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng doanh thu	98.015.882.660	101.148.165.350
+ Doanh thu bán sách giáo khoa, sách tham khảo	97.655.335.803	99.828.906.746
+ Doanh thu hoạt động khác	360.546.857	1.319.258.604
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.146.157.154	440.906.913
+ Hàng bán bị trả lại	1.146.157.154	440.906.913
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>96.869.725.506</b>	<b>100.707.258.437</b>

**22. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	77.653.125.837	81.089.564.645
Giá vốn hoạt động khác	328.589.597	1.278.214.136
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(375.632.548)	448.950.220
<b>Cộng</b>	<b>77.606.082.886</b>	<b>82.816.729.001</b>

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	583.682.587	754.830.840
Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.000.000	40.000.000
Chiết khấu thanh toán nhanh	9.928.238	39.959.250
<b>Cộng</b>	<b>625.610.825</b>	<b>834.790.090</b>

**24. Chi phí tài chính**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chiết khấu thanh toán	16.860.699	15.753.169
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(44.725.400)	(16.000.000)
Chi phí tài chính khác	133.275	-
<b>Cộng</b>	<b>(27.731.426)</b>	<b>(246.831)</b>

**25. Thu nhập khác**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu bán phế liệu, công cụ dụng cụ	12.797.591	-
Thu thanh lý tài sản cố định	236.000.000	18.090.909
Thu nhập khác	398.237	-
<b>Cộng</b>	<b>249.195.828</b>	<b>18.209.908</b>

**26. Chi phí khác**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	168.548.703	8.476.834
Chi phí khác	328.831	802.857
<b>Cộng</b>	<b>168.877.534</b>	<b>9.279.691</b>

**27. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong kỳ**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.939.428.761	6.185.114.953
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	195.198.703	(31.523.166)
- Điều chỉnh tăng	227.198.703	8.476.834
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	58.650.000	8.476.834
+ Phạt chậm nộp thuế, phạt vi phạm hành chính thuế	168.548.703	-
- Điều chỉnh giảm (cổ tức, lợi nhuận được chia)	32.000.000	40.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	6.134.627.464	6.153.591.787
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.386.957.492	858.521.721
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	1.349.618.042	766.173.884
- Chi phí thuế TNDN các năm trước điều chỉnh vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	37.339.450	92.347.837
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>4.552.471.269</b>	<b>5.326.593.232</b>

**28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.552.471.269	5.326.593.232
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.855.600	3.468.203
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.181</b>	<b>1.536</b>

**29. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.203.146.144	30.102.452.965
Chi phí nhân công	5.932.526.945	4.398.125.871
Chi phí khấu hao tài sản cố định	469.839.022	156.859.646
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.057.721.273	25.623.917.068
Chi phí khác bằng tiền	5.312.918.468	5.963.896.929
<b>Cộng</b>	<b>51.976.151.852</b>	<b>66.245.252.479</b>

**30. Công cụ tài chính**

**a) Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

**b) Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty mua nguyên vật liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty ký kết các hợp đồng nguyên tắc, dài hạn với các nhà cung cấp chính bên cạnh việc đa dạng hóa các nguồn cung cấp của Công ty.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đại lý, Sở giáo dục, trường học... , các Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học, các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Ban Giám đốc Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

<b>31/12/2014</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	10.296.062.315	-	10.296.062.315
Chi phí phải trả	3.155.051.967	-	3.155.051.967
Phải trả khác	46.739.500	-	46.739.500
<b>Cộng</b>	<b>13.497.853.782</b>	<b>-</b>	<b>13.497.853.782</b>
<b>31/12/2013</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Phải trả người bán	6.693.006.029	-	6.693.006.029
Chi phí phải trả	3.987.556.511	-	3.987.556.511
Phải trả khác	150.528.000	-	150.528.000
<b>Cộng</b>	<b>10.831.090.540</b>	<b>-</b>	<b>10.831.090.540</b>

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

<b>31/12/2014</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.864.777.723	-	20.864.777.723
Đầu tư tài chính	1.745.178.000	1.790.000.000	3.535.178.000
Phải thu khách hàng	10.679.179.821	-	10.679.179.821
Phải thu khác	80.497.920	-	80.497.920
Tài sản tài chính khác	290.075.994	-	290.075.994
<b>Cộng</b>	<b>33.659.709.458</b>	<b>1.790.000.000</b>	<b>35.449.709.458</b>
<b>31/12/2013</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.410.730.227	-	14.410.730.227
Đầu tư tài chính	332.000.000	840.000.000	1.172.000.000
Phải thu khách hàng	11.786.793.735	-	11.786.793.735
Phải thu khác	244.203.333	-	244.203.333
Tài sản tài chính khác	363.238.080	-	363.238.080
<b>Cộng</b>	<b>27.136.965.375</b>	<b>840.000.000</b>	<b>27.976.965.375</b>

### 31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Vì vậy, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là sản xuất, kinh doanh sách và bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

### 32. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

#### a. Thông tin về các bên liên quan

##### Thông tin về các bên liên quan

##### Công ty liên quan

##### Mối quan hệ

Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hà Nội	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
CN NXBGD tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TB Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật & Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách dịch & Từ Điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư

**b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ kế toán**

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Nội dung nghiệp vụ</b>	<b>Năm 2014 VND</b>	<b>Năm 2013 VND</b>
<b>Bán hàng</b>			
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Cung ứng sách tham khảo	82.786.000	507.532.922
CN. NXBGD tại TP. Cần Thơ	Cung ứng sách tham khảo	73.080.638	-
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Cung ứng sách tham khảo	3.400.990.240	3.988.666.612
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng sách tham khảo	4.349.557.892	3.828.409.780
Công ty CP Học liệu (EMCO)	Cung ứng sách tham khảo	390.760.305	2.912.613
Công ty CP Sách & TB Bình Thuận	Cung ứng sách tham khảo	569.539.800	384.860.484
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Cung ứng sách tham khảo	627.779.356	-
Công ty CP Sách TBTH TP Hồ Chí Minh	Cung ứng sách tham khảo	780.117.965	966.038.994
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Cung ứng sách tham khảo	12.816.248.716	14.586.214.757
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	Cung ứng sách tham khảo	60.580.990	123.703.400
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	Cung ứng sách giáo khoa	668.822.765	722.276.397
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Cung ứng sách giáo khoa	271.188.440	299.495.337
Công ty CP Sách dịch & Từ Điển Giáo dục	Cung ứng sách tham khảo	64.139.000	-
<b>Mua hàng</b>			
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Nhập giấy, tem	422.500	8.603.078.500
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	Nhập sách tham khảo	288.750.000	-
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Nhập sách tham khảo	2.359.498.280	1.839.257.700
Công ty CP Bản đồ & Tranh ảnh Giáo dục	Nhập sách tham khảo	1.924.007.000	3.038.345.200
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	Nhập sách, tiền bản thảo	4.064.338.225	3.362.556.055
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	Nhập sách tham khảo	5.247.645.810	6.104.675.510
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	Nhập sách tham khảo	947.238.360	1.131.506.550
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng	Nhập sách tham khảo	385.404.440	820.280.520
Công ty CP Sách Dân tộc	Nhập sách, tiền bản thảo	2.754.564.440	3.329.085.226
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	Nhập sách	4.192.411.564	3.423.853.213
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	Nhập sách tham khảo	680.717.676	444.136.178
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	Tiền bản thảo	136.338.000	-
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Nhập sách, tiền bản thảo	3.083.435.000	1.792.454.388
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Gia Định	Nhập sách, tiền bản thảo	262.611.266	626.224.220
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	Nhập sách giáo khoa	4.346.908.830	3.657.360.081
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	Nhập sách giáo khoa	1.899.311.370	-
Công ty CP Mỹ thuật & Truyền thông	Nhập sách tham khảo	308.621.394	503.282.457
<b>Giao dịch khác</b>			
Công ty TNHH MTV NXB GD Việt Nam	Đầu tư dài hạn	750.000.000	



c. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
CN NXBGD tại TP. Cần Thơ	3.737.621	55.656.983
Công ty CP SGD tại TP. Hà Nội	-	808.184.751
Công ty CP Sách & TB Bình Thuận	203.656.380	159.951.447
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	314.149.435	438.746.579
Công ty CP Sách TBTH TP Hồ Chí Minh	166.460.750	199.963.031
Công ty CP Sách & TBGD Cửu Long	57.302.279	137.790.884
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Phương Nam	-	391.847.806
Công ty CP Sách dịch & Từ Điển Giáo dục	25.912.341	-
<b>Phải trả cho người bán</b>		
Công ty CP Sách & TBGD Miền Nam	-	87.542.994
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	138.750.000	-
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	-	435.491.280
Công ty CP Bàn đồ & Tranh ảnh Giáo dục	78.109.760	234.160.960
Công ty CP SGD tại TP. Đà Nẵng	346.198.863	824.993.955
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	272.018.060	394.170.090
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Đà Nẵng	106.146.982	69.377.142
Công ty CP Sách Dân tộc	129.916.053	305.275.813
Công ty CP Đầu tư & Phát triển GD Hà Nội	208.990.287	85.838.671
Công ty CP Sách & TBGD Miền Trung	21.968.333	7.953.237
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Gia Định	146.163.958	92.070.192
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà Nội	1.102.904.623	293.466
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	63.088.000	191.800.600
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	-	35.399.910
Công ty CP Mỹ thuật & Truyền thông	64.410.263	163.055.269

d. Giao dịch khác

		Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Ban Giám đốc	Tiền lương, tiền thưởng	822.323.810	932.978.000
Hội đồng quản trị	Tiền thù lao	176.200.000	228.250.000

33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

34. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi AAC.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH GIÁO DỤC  
 TẠI TP. HỒ CHÍ MINH  
 GIẢM ĐỐC  
 Phạm Cảnh Toàn